

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 21

Phẩm 29: KHỔ LẠC

KINH SỐ 1

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

1. Hoặc có người trước khổ, sau vui.
2. Hoặc có người trước vui sau khổ.
3. Hoặc có người trước khổ sau khổ.
4. Hoặc có người trước vui, sau vui.

Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà ti tiện, hoặc dòng sát nhân¹, hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng: “Có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác.” Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. “Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ.” Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hưởng về sám hối, sửa đổi những việc làm xưa. Nếu có của dư, đem chia cho người. Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì lắm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng trưởng giả, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ôm lòng tà kiến tương ứng cùng biên kiến. Họ thấy như vậy: “Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác.” Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ: “Người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sinh đã lâu vẫn là súc sinh.” Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ: “Người ấy hư ngụy, nơi nào sẽ có phước

¹. Sát nhân chủng 殺人種; đây chỉ lớp tiện dân Chiên-đà-la (Pāli, Skt. Caṇḍāla), phần lớn làm nghề giết chó, được xem là hung dữ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

báo ứng?” Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể lỏa lồ, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát nhân*, hoặc giới thọ thuyên; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ôm tà kiến, cùng tương ứng với biên kiến, nên họ thấy như vậy, “Không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán.” Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối với các bậc Hiền thánh. Người này thấy người nghèo thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng Phạm chí, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng trưởng giả, cùng sinh vào gia đình lắm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: “Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán.” Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của, liền tự nghĩ: “Người này có được là nhờ ngày xưa bố thí.” Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ: “Người này trước kia do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn.” Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu thấy Sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thấy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Con thấy chúng sinh đời này trước khổ sau vui; hoặc ở đời này có chúng sinh trước vui sau khổ; hoặc ở đời này có chúng sinh trước khổ sau khổ; hoặc có chúng sinh trước vui sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

–Có nhân duyên này, khiến loài chúng sinh trước khổ sau vui; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước khổ sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo nên biết, nếu người sống trăm tuổi. Giả sử đúng mười lần mười như vậy, người ấy sống thọ hết Đông, Hạ, Xuân, Thu. Nay Tỳ-kheo, người ấy trong một trăm năm tạo các công đức, rồi một trăm năm tạo các ác nghiệp, tạo các tà kiến. Một thời gian sau, người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu trăm năm công đức đầy đủ chưa từng bị thiếu; rồi ở trong vòng trăm năm nữa, người ấy tạo các tà kiến, tạo hạnh bất thiện; nó

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trước chịu tội kia, sau thọ phước nọ.

Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ hưởng phúc, lúc lớn chịu tội.

Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội, thì người ấy khi đời sau trước khổ sau cũng khổ.

Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, bố thí phân-đàn², (lớn lên cũng tạo các công đức cũng bố thí phân-đàn)³, thì đời sau người ấy trước vui sau cũng vui.

Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Quả vậy,⁴ bạch Thế Tôn, nếu có chúng sinh nào muốn trước vui mà sau cũng vui thì, nên hành bố thí để cầu trước vui sau cũng vui.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Tỳ-kheo, như những lời ông nói. Nếu có chúng sinh nào muốn thành tựu Niết-bàn và đạo A-la-hán cho đến Phật quả thì ở trong đó phải hành bố thí, tạo công đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 2

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Sao gọi là bốn?

1. Hoặc có người thân vui tâm không vui.
2. Hoặc có người tâm vui thân không vui.
3. Hoặc có người tâm cũng không vui, thân cũng không vui.
4. Hoặc có người thân cũng vui tâm cũng vui.

Những người nào thân vui tâm không vui? Ở đây, người phạm phu tạo phước, đối với bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, không gì thiếu thốn; nhưng không thoát các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng lại không thoát khỏi trong ác thú. Đây gọi là người thân vui tâm không vui.

Những người nào tâm vui thân không vui? Chỉ những vị A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, đối trong bốn sự cúng dường, tự mình không thể tự lo xong, không bao giờ có được. Chỉ thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ⁵. Đó gọi là người này tâm vui thân không vui.

Những người nào thân cũng không vui, tâm cũng không vui? Là người phạm phu

2. Phân-đàn bố thí 分檀布施; có lẽ phiên âm, Pāli: Piṇḍa-dāyaka, người bố thí vật thực. Đoạn tiếp, TNM: Bồ thí phần đoạn, cùng ý nghĩa.

3. Trong ngoặc, câu này để bản nháy sót. Đây y theo TNM thêm vào.

4. Để bản: Duy nguyện 唯願. TNM: Duy nhiên 唯然.

5. La-hán Duy Dụ 羅漢唯喻; chưa rõ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không tạo công đức, không thể có được bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, lại không thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó gọi là người này thân cũng không vui, tâm cũng không vui.

Những người nào thân cũng vui, tâm cũng vui? Chỉ cho các A-la-hán tạo công đức, bốn sự cúng dường không gì thiếu thốn như y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, thuốc men trị bệnh. Lại thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó chính là Tỳ-kheo Thi-ba-la⁶.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên Tỳ-kheo nên cầu phương tiện, như Tỳ-kheo Hộ-bà-la.

Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về bốn phước của Phạm thiên⁷. Sao gọi là bốn?

1. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nơi chưa dựng tháp⁸, ở nơi đó mà xây tháp. Đó gọi là phước thứ nhất của Phạm thiên.

2. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào tu sửa chùa cũ. Đó gọi là phước thứ hai của Phạm thiên.

3. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào tạo sự hòa hợp Thánh chúng. Đó gọi là phước thứ ba của Phạm thiên.

4. Lại nữa, khi Như Lai⁹ sắp chuyển pháp luân, chư Thiên, người đời khuyến thỉnh chuyển pháp luân. Đó gọi là phước thứ tư của Phạm thiên.

Đó gọi là bốn phước của Phạm thiên.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Phước của Phạm thiên rất ráo là nhiều hay ít?

Thế Tôn bảo:

–Lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng.

Thế Tôn bảo:

–Cõi Diêm-phù-đề¹⁰ từ Đông Tây, bảy ngàn do-tuần, Nam Bắc hai vạn một ngàn

⁶. Thi-ba-la 尸波羅. Đồng nhất với Pāli, Sīvalī, được Phật tuyên bố là đệ nhất lợi đắc cúng dường (aggam lābhīnam), cf. A.i. 24.

⁷. Tú phạm chi phước 四梵之福; đoạn dưới có khi nói: Phạm thiên chi phước 梵天之福, có khi nói thọ phạm chi phước 受梵之福. Có thể tương đương Pāli, brahmadeyya, tặng vật của Phạm thiên, được hiểu là tặng vật cao thượng nhất.

⁸. Nguyên Hán dịch: Thâu-bà 偷婆, Skt. Stūpa (Pāli: Thūpa).

⁹. Để bản: Nhā-đa-tát-a-yết.

¹⁰. Nguyên Hán dịch: Diêm-phù-ly-địa 閻浮里地, phiên âm Skt. Jambudvīpa (Jambudīpa).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

do-tuần, địa hình giống như chiếc xe. Ở trong đó, công đức có được của chúng sinh cũng bằng công đức của một vị Chuyển luân thánh vương.

Lại có cõi tên Cù-da-ni dọc ngang ba mươi hai vạn dặm, địa hình như nửa mặt trăng. Các Tỳ-kheo nên biết, công đức của nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề và một Chuyển luân thánh vương so với người ở đó thì chỉ bằng phước của một người thôi.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Phất-vu-đãi dọc ngang ba mươi sáu vạn dặm, địa hình vuông vức. Nếu tính phước của hai cõi Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì không bằng phước của một người cõi Phất-vu-đãi này.

Tỳ-kheo nên biết, Uất-đơn-viết, dọc ngang bốn mươi vạn dặm, địa hình giống như mặt trăng tròn. Nếu tính phước của nhân dân trong ba cõi trên thì cũng không bằng phước của một người ở cõi Uất-đơn-viết.

Tỳ-kheo nên biết, nếu tính phước của nhân dân bốn thiên hạ, không bằng đức của Tứ Thiên vương. Nếu tính phước nhân dân bốn thiên hạ cùng cõi Tứ Thiên vương thì cũng không bằng phước của cõi Tam thập tam thiên. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ Thiên vương, cùng Tam thập tam thiên, cũng không bằng phước của một vị Thích Đề-hoàn Nhân. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ Thiên vương, Tam thập tam cùng Thích Đề-hoàn Nhân, cũng không bằng phước một Diễm thiên. Nếu tính phước bốn thiên hạ, Tứ thiên Vương, Tam thập tam, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Diễm thiên thì cũng không bằng phước trời Đâu-thuật. Nếu tính phước bốn thiên hạ... cho đến phước trời Đâu-thuật thì cũng không bằng phước trời Hóa tự tại. Nếu tính phước bốn thiên hạ, cho đến trời Hóa tự tại cũng chẳng bằng phước trời Tha hóa tự tại. Nếu tính phước từ bốn thiên hạ cho đến cõi trời Tha hóa tự tại cũng chẳng bằng phước đức của Phạm thiên vương.

Tỳ-kheo nên biết, phước của Phạm thiên như vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu phước đó, theo đây mà suy lường. Cho nên, này Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên, nên tìm cầu phương tiện để thành tựu công đức này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 4

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh có bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sinh¹¹. Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, hoặc lớn hay nhỏ; xúc thực¹², niệm thực và thức thực. Đây là bốn loại thức ăn.

Sao gọi là đoàn thực? Đoàn thực là như những thức ăn của người hiện nay, vật để đưa vào miệng có thể ăn. Đó gọi là đoàn thực.

Sao gọi là xúc thực*? Xúc thực là chỉ cho y phục, lọng dù, hương hoa, sưởi lửa, dầu

¹¹. Xem *Trường 8*, kinh Chúng tập (T1n1, tr. 50c2): Bốn loại thức ăn 四種食: đoàn thực 搏食, xúc thực 觸食, niệm thực 念食, thức thực 識食. *Tập Di 8* (tr. 400b2): Tứ thực 四食者: Đoạn thực hoặc thô hoặc tế 段食或麤或細; xúc thực 觸食; ý tư thực 意思食; thức thực 識食. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii, 228): Cattāro āhārā-kabaṭṭikāro āhāro oṭṭariko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catuttham.

¹². Nguyên Hán dịch: Cánh lạc thực 更樂食. Được hiểu là những thứ tạo ra sự thoải mái cho xúc giác.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thơm hay sự tụ hội với phụ nữ và những thứ khác được xúc chạm¹³ bởi thân thể. Đó gọi là xúc thực.

Sao gọi là niệm thực? Tất cả những niệm tưởng, những gì được niệm tưởng, được tư duy trong ý, những gì được nói bởi miệng, hoặc được xúc bởi thân, cùng những pháp được ghi nhớ. Đó gọi là niệm thực.

Sao gọi là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biết bởi ý, từ Phạm thiên làm đầu cho đến trời Hữu tướng, Vô tướng, dùng thức làm thức ăn. Đó gọi là thức thực.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại thức ăn này. Chúng sinh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển trong sinh tử, từ đời này sang đời khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xử lý bốn loại thức ăn này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại biện tài¹⁴. Sao gọi là bốn? Đó là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện.

Sao gọi là nghĩa biện? Nghĩa biện là những điều nói ra của người này hay người kia, hoặc những điều nói ra từ trời, rồng, quỷ thần, đều có thể phân biệt ý nghĩa của chúng. Đó gọi là nghĩa biện.

Sao gọi là pháp biện? Mười hai bộ kinh mà Như Lai nói ra bao gồm: Khế kinh, Kỳ-dạ, Phúng tụng, Nhân duyên, Thọ ký, Thí dụ, Bốn sinh, Bốn sự, Tụ thuyết, Phương đẳng, Hiệp tập, Vị tăng hữu, cùng các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, các pháp ấy thật không thể biến hoại, được tổng trì. Đó gọi là pháp biện.

Sao gọi là từ biện¹⁵? Như ở trước chúng sinh, lời nói dài hay ngắn¹⁶, lời nói nam hay nữ¹⁷, lời Phật, lời Phạm chí, Thiên long, Quỷ thần; những lời được nói bởi A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la nói cho họ¹⁸; tùy theo căn nguyên của họ mà vì họ thuyết pháp. Đó gọi

¹³. Nguyên Hán dịch: Cánh lạc 更樂.

¹⁴. Tứ biện 四辯. Xem trên, kinh số 9 phẩm 26: Bốn Biện tài. Cf. *Câu-xá* 27 (T29n1558, tr. 142a22): bốn Vô ngại giải (Skt. *Catasra# pratisamvidā#*), 1. Pháp vô ngại giải 法無礙解 (*dharma-pratisamvid*); 2. Nghĩa vô ngại giải 義無礙解 (*artha-p.*); 3. Từ vô ngại giải 詞無礙解 (*nirukti-p.*); 4. Biện vô ngại giải 辯無礙解 (*pratibhāna-p.*).

¹⁵. Từ biện: Từ nguyên luận hay ngữ pháp luận. Cf. Pāli, Vin. ii. 139: có hai Tỳ-kheo, Yamelo và Tekula, chê nhiều Tỳ-kheo thuộc giai cấp thấp, đọc sai lời Phật về mặt ngữ pháp (*te sakāya niruttīyā buddhavaṇṇaṃ dūṣenti*), họ không phân biệt đọc âm dài, âm ngắn, giống đực, giống cái, nên muốn chuẩn hóa lời Phật theo đúng ngữ pháp cho các Tỳ-kheo. Nhưng Phật không cho phép.

¹⁶. Hán: Trường đoản chi ngữ 長短之語; các từ ngữ có âm dài, âm ngắn.

¹⁷. Nam ngữ, nữ ngữ 男語女語: Danh từ giống đực, giống cái.

¹⁸. Chỉ ngữ pháp khác nhau giữa các chủng loại, các địa phương, và giai cấp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

là từ biện.

Sao gọi là ứng biện? Trong lúc thuyết pháp không có khiếm nhược, không có sợ hãi, hay khiến cho chúng bốn bộ hòa vui. Đó gọi là ứng biện.

Nay Ta sẽ bảo các ông, phải như ông Ma-ha Câu-hy-la¹⁹. Vì sao? Vì Câu-hy-la có đủ bốn biện tài này, hay vì bốn bộ chúng mà rộng phân biệt giảng nói. Như hôm nay, Ta thấy trong các chúng, được bốn biện tài không có ai hơn được Câu-hy-la, như Như Lai có được bốn biện tài này. Nay các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn biện tài này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

¹⁹. Ma-ha Câu-hy-la 摩訶拘締羅. Pāli: Mahā-Koṭṭhika, được Phật khen là đệ nhất vô ngại giải (paṭisambhidāpattānaṃ, A.i. 24). Xem trên, kinh số 3 phẩm 4.